TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11-01-2018
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm;

2. Bà Hồ Thị Mai Hương;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 617/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 133/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp 4, xã BS, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Lê Đình B, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp 4, xã BS, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2017; biên bản hòa giải ngày 24/11/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị Ngọc V là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng chị V, anh B tổ chức đám cưới vào năm 2005 và không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị V nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên chị V yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lê Đình B.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Đình K, sinh ngày 02/02/2008. Hiện nay, con chung đang sống với chị V, anh B. Khi ly hôn, chị V yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 24/11/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Lê Đình B trình bày:

- Về hôn nhân: Anh B thừa nhận thời gian vợ chồng chung sống và không có đăng ký kết hôn như chị V trình bày. Đời sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là có thật, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị V có người đàn ông khác nhưng anh B không có bằng chứng để chứng minh. Nay, chị V yêu cầu xin ly hôn, anh B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Đình K, sinh ngày 02/02/2008. Hiện nay, con chung đang sống với anh B, chị V. Khi ly hôn anh B đồng ý để chị V nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ngọc V có đơn yêu cầu ly hôn với anh Lê Đình B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con"*.

Anh Lê Đình B là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: Ấp 4, xã BS, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chị V và anh B thừa nhận chung sống vào năm 2005 và không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, chị V và anh B có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay, đời sống chung giữa chị V và anh B phát sinh mâu thuẫn, chị V yêu cầu ly hôn. Anh B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V. Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị V và anh B là vợ chồng.

- **Về con chung**: Trong thời gian chung sống chị V và anh B có 01 con chung tên Lê Đình K, sinh ngày 02/02/2008, hiện con chung đang sống với chị V, anh B. Khi ly hôn chị V yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh anh B cấp dưỡng nuôi con. Anh B đồng ý để con chung cho chị V nuôi dưỡng. Xét thấy việc thỏa thuận giữa chị V, anh B là tự nguyện và phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Giao con

chung tên Lê Đình K, sinh ngày 02/02/2008 cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị V không yêu cầu.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị V phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị V đã nộp theo biên lai số 16308 ngày 30/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc V.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc V và anh Lê Đình B là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Đình K, sinh ngày 02/02/2008 cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị V không yêu cầu.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Về án phí: Chị V phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị V đã nộp theo biên lai số 16308 ngày 30/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Hữu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Phước Tâm – Hồ Thị Mai Hương	**Trần Hữu Hà**